

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chế độ, chính sách bảo đảm điều kiện hoạt động  
của Hội đồng nhân dân xã Tiên Lữ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về quy định một số chế độ, chính sách đảm bảo điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Thọ;*

*Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân xã Tiên Lữ ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ, chính sách bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân xã Tiên Lữ.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, chính sách bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân xã.

**Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Nghị quyết Quy định một số chế độ, chính sách bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân xã đối với các nội dung chưa được quy định cụ thể tại Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND ngày 25/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú

Thọ; đảm bảo không trùng lắp, không vượt quá mức chi tối đa theo quy định của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

2. Các nội dung không được quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Kinh phí thực hiện các nội dung chi, mức chi tại Điều 1 do ngân sách xã Tiên Lữ bảo đảm.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2026.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tiên Lữ khóa XXI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2026./.*

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Tường**

## QUY ĐỊNH

### Một số chế độ, chính sách bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân xã

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2026/NQ-HĐND  
ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Tiên Lữ)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về một số chế độ, chính sách bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân xã.

##### 2. Đối tượng áp dụng

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại cơ quan tham mưu giúp việc, phục vụ Hội đồng nhân dân xã.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân xã.

#### Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm chỉ đạo trong việc quản lý và sử dụng kinh phí được phân bổ, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Các nội dung chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân xã không có trong quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

## Chương II

### QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chế độ, chính sách bảo đảm các điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã

### 1. Chi hoạt động kỳ họp

a) Chi chế độ bồi dưỡng cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; phóng viên báo, đài, cán bộ y tế, bảo vệ phục vụ kỳ họp: 100.000 đồng/người/ngày.

b) Chi tiền ăn cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã, khách mời dự Kỳ họp và cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ kỳ họp: Mức chi 200.000 đồng/người/ngày.

c) Chế độ chè, nước giải khát: Thực hiện theo quy định hiện hành.

d) Chế độ làm ngoài giờ: Trước, trong và sau các kỳ họp Hội đồng nhân dân xã: cán bộ, công chức, người lao động phải làm thêm giờ (*ngoài giờ hành chính, các ngày nghỉ*) được thanh toán tiền làm thêm giờ theo quy định hiện hành.

2. Chế độ các phiên họp, kiểm tra, chất vấn, giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; họp Ban; họp thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân xã; họp lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Luật, pháp lệnh; họp lấy ý kiến vào dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã; họp tham vấn ý kiến nhân dân (nếu có).

a) Chi hỗ trợ chủ trì cuộc họp (trừ họp thẩm tra): 140.000 đồng/người/buổi.

b) Chi hỗ trợ thành viên mời dự họp; cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng HĐND và UBND xã phục vụ trực tiếp cuộc họp, phóng viên báo, đài: 70.000 đồng/người/buổi.

c) Chế độ chè, nước giải khát: Thực hiện theo quy định hiện hành.

### 3. Chi cho công tác giám sát, khảo sát.

a) Chi xây dựng văn bản giám sát:

Chi xây dựng Quyết định thành lập đoàn giám sát; xây dựng kế hoạch và đề cương giám sát; báo cáo kết quả giám sát đối với từng đơn vị giám sát tối đa không quá: 700.000 đồng/văn bản; Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung của đoàn giám sát tối đa không quá: 1.700.000 đồng/báo cáo.

b) Chi xây dựng văn bản khảo sát:

Chi xây dựng kế hoạch, đề cương khảo sát; báo cáo kết quả khảo sát tối đa không quá: 700.000 đồng/văn bản;

### 4. Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình tại Kỳ họp Hội đồng nhân dân xã:

a) Chi cho hoạt động chất vấn:

Chi cho việc xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã và phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã: Các báo cáo, kế hoạch chi tiết; biên bản tóm tắt nội dung chất vấn, trả lời chất vấn, mức chi tối đa không quá: 700.000 đồng/văn bản.

Chi cho xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến chất vấn trình Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, mức chi tối đa không quá 1.000.000 đồng/báo cáo.

b) Chi cho hoạt động giải trình:

Kế hoạch chi tiết phiên giải trình, mức chi tối đa là: 700.000 đồng/văn bản.

Chi cho việc xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giải trình, mức chi tối đa là 1.000.000 đồng/ báo cáo.

5. Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri

a) Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri và phóng viên báo, đài: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri theo tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã mức chi tối đa không quá: 350.000 đồng/báo cáo/đợt tiếp xúc cử tri.

c) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trình Hội đồng nhân dân xã, mức chi tối đa: 1.000.000 đồng/báo cáo.

6. Chi hỗ trợ công tác xây dựng và ban hành văn bản

a) Mức chi bồi dưỡng xây dựng văn bản, tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân xã:

Chi rà soát nội dung, thể thức, kỹ thuật hoàn thiện nghị quyết trước và sau khi Hội đồng nhân dân xã thông qua, mức chi tối đa 700.000 đồng/Nghị quyết;

Xây dựng báo cáo kết quả kỳ họp; Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân xã thảo luận tại Hội trường mức chi tối đa không quá: 1.000.000 đồng/báo cáo.

b) Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác năm; báo cáo 6 tháng, hàng năm, nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã:

Xây dựng báo cáo kết quả công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân định kỳ trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã mức chi tối đa là: 1.000.000 đồng/báo cáo;

Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã mức chi tối đa là: 1.400.000 đồng/báo cáo;

Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân xã mức chi tối đa là 1.000.000 đồng/văn bản.

c) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác theo yêu cầu của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành của Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các Sở, ngành của tỉnh: 550.000 đồng/báo cáo.

7. Chi hỗ trợ và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân xã; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã.

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được cấp tiền may 02 (hai) bộ lễ phục/nhiệm kỳ, mức chi tối đa không quá: 7.000.000 đồng/bộ.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được trang bị cơ sở vật chất làm việc cần thiết (giá trị theo quy định của pháp luật).

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu theo quy định về đào tạo.

d) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được cấp vật tư văn phòng phục vụ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

e) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được cấp tài liệu bao gồm: Báo đại biểu nhân dân, phí khai thác internet (mức chi cụ thể: 100.000 đồng/người/tháng), ký yếu Hội đồng nhân dân.

Công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã được giao nhiệm vụ phục vụ hoạt động tại HĐND xã, mức chi: 0,35 mức lương cơ sở/người/tháng (Tối đa không quá 01 người).

f) Chi hỗ trợ kinh phí tham gia ý kiến, xây dựng dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã cho Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã, Lãnh đạo và công chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã liên quan trực tiếp đến việc tham gia ý kiến, xây dựng dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã, như sau:

Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, mức chi tối đa không quá: 1.000.000 đồng/người/kỳ họp;

Phó Trưởng Ban chuyên trách, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, mức chi tối đa không quá: 700.000 đồng/người/kỳ họp;

Công chức Văn phòng HĐND và UBND xã giúp việc trực tiếp Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, mức chi tối đa không quá: 450.000 đồng/người/kỳ họp.

g) Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã được cấp tiền may 01 (một) bộ lễ phục/nhiệm kỳ với mức chi tối đa không quá: 3.000.000 đồng/bộ.

8. Chế độ tặng quà đối với các đối tượng chính sách - xã hội

Chế độ tặng quà được thực hiện đối với các đối tượng sau: Các đối tượng chính sách, các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp với hoạt động của Hội đồng nhân dân xã; gia đình và cá nhân gặp

rủi ro do thiên tai, các tập thể thuộc diện chính sách xã hội, ... khi Thường trực Hội đồng nhân dân xã tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà. Mức giá trị quà tặng tối đa cho mỗi lần thăm hỏi như sau: Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã đến thăm hỏi tặng quà cho tập thể mức cao nhất là 2.000.000 đồng/lần; tặng quà cho cá nhân mức cao nhất là 400.000 đồng/lần.

#### 9. Chế độ tặng quà lưu niệm

Đại biểu Hội đồng nhân dân xã; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã được tặng quà khi nghỉ hưu, chuyển công tác và kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân xã; kỷ niệm ngày thành lập các cơ quan của xã; mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định.

#### 10. Chế độ thăm hỏi trợ cấp

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã khi bị ốm phải điều trị tại bệnh viện được chi tiền thăm hỏi: 500.000 đồng/người/lần (một năm không quá hai lần/đại biểu). Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, phải điều trị kéo dài thì mức chi trợ cấp một lần tối đa không quá 2.000.000 đồng/người/năm.

b) Mức chi viếng đại biểu Hội đồng nhân dân xã đương nhiệm từ trần: 1.000.000 đồng/trường hợp bao gồm 01 vòng hoa.

c) Mức chi viếng cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con đại biểu Hội đồng nhân dân xã đương nhiệm: 700.000 đồng/trường hợp bao gồm 01 vòng hoa.

#### 11. Chế độ công tác phí, hội nghị: Theo quy định hiện hành.

### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí chi chế độ phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân do ngân sách xã đảm bảo và phải được thanh, quyết toán theo quy định.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ vào các chế độ, định mức chi tiêu hiện hành của Nhà nước và các quy định về chế độ, chính sách chi tiêu tài chính tại Nghị quyết này, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện để đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân xã có hiệu quả.

2. Đối với các nội dung không quy định mức chi cụ thể trong Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định khác có liên quan.

**Điều 7.** Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm rà soát chế độ và chính sách chi tiêu tài chính của Nghị quyết này khi có quy định, định mức thay đổi của cấp trên, phối hợp với cơ quan chuyên môn báo cáo Ủy ban nhân dân xã để xem xét, trình Hội đồng nhân dân xã bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Hội đồng nhân dân xã./.